



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Container Việt Nam

Ngày 30/06/2025	16,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.3%	17.2%	27.7%

DT thuần Q2/25
807
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 125 18.3%
YoY: ▲ 89.0 12.4%

LN thuần Q2/25
168
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0 35.2%
YoY: ▲ 50.0 42.0%

LN sau thuế Q2/25
149
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0 34.0%
YoY: ▲ 57.5 62.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
28.1%
YoY: +/-▲ 3.1%

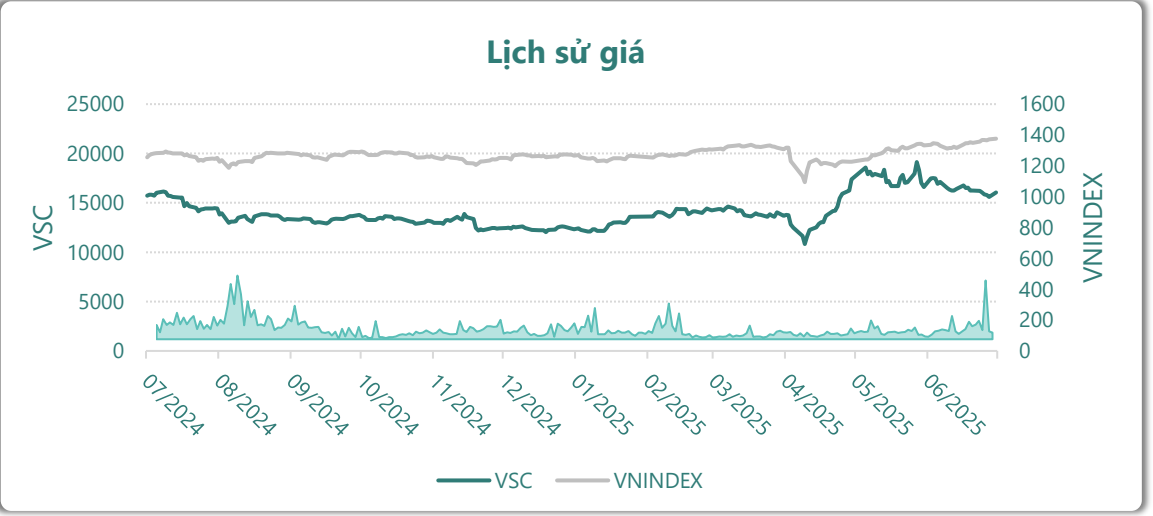
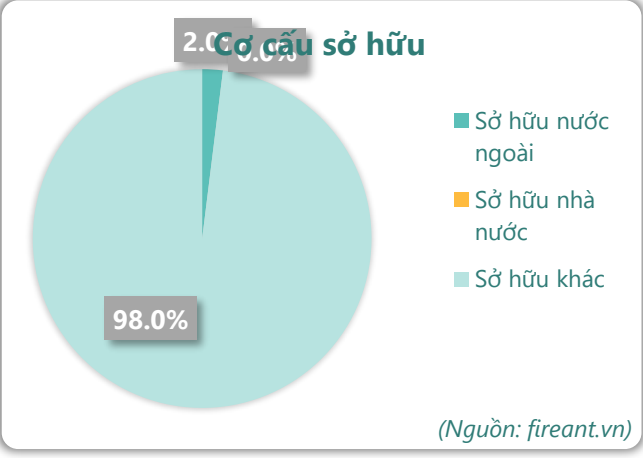
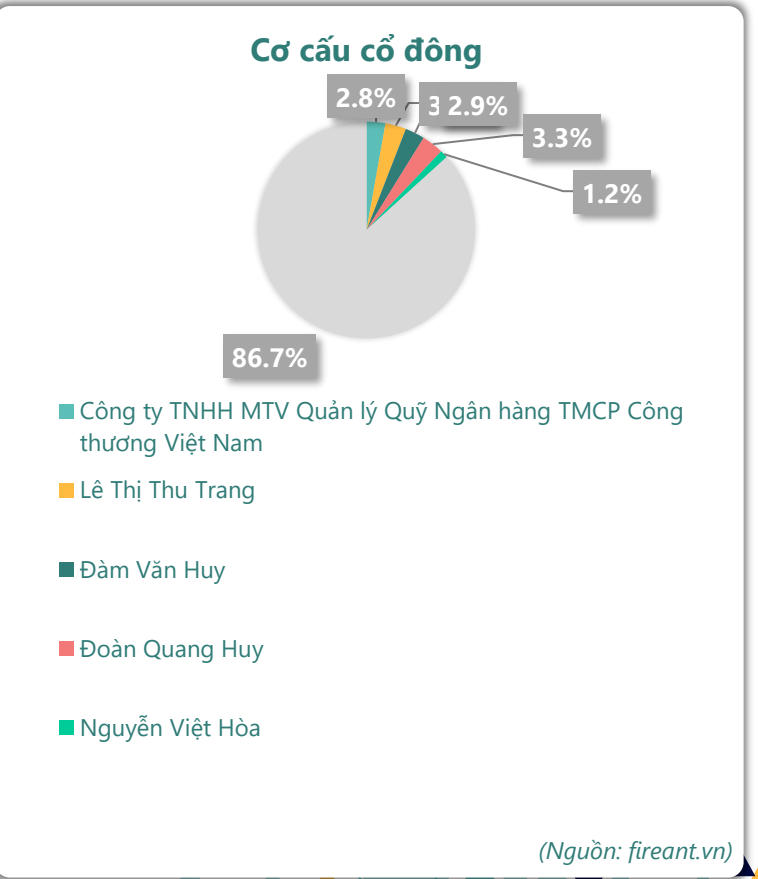
ROE (TTM) Q2/25
8.6%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,827 - 19,131
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,009
Số lượng CPLH (CP)	374,370,362
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,895,710
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.11
EPS	1,123
P/E	14.3

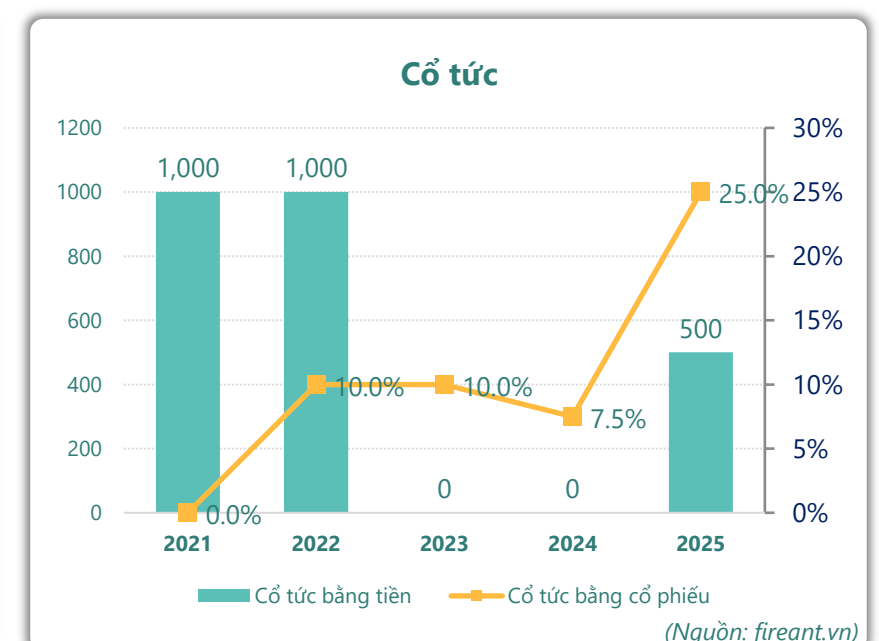
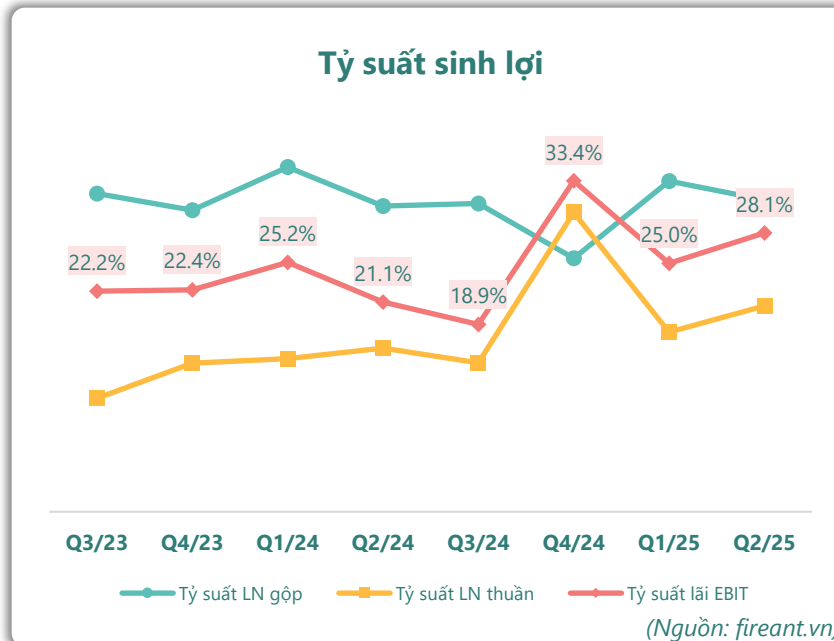
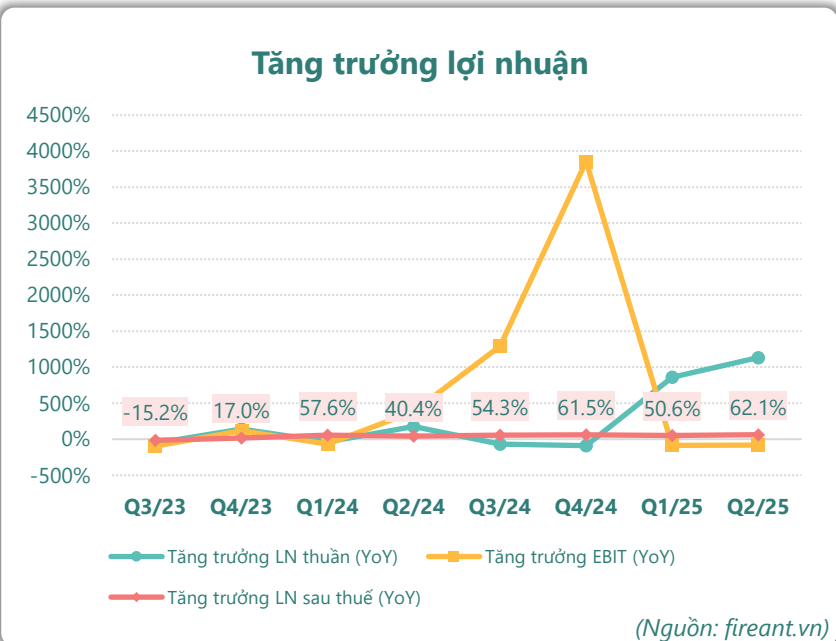
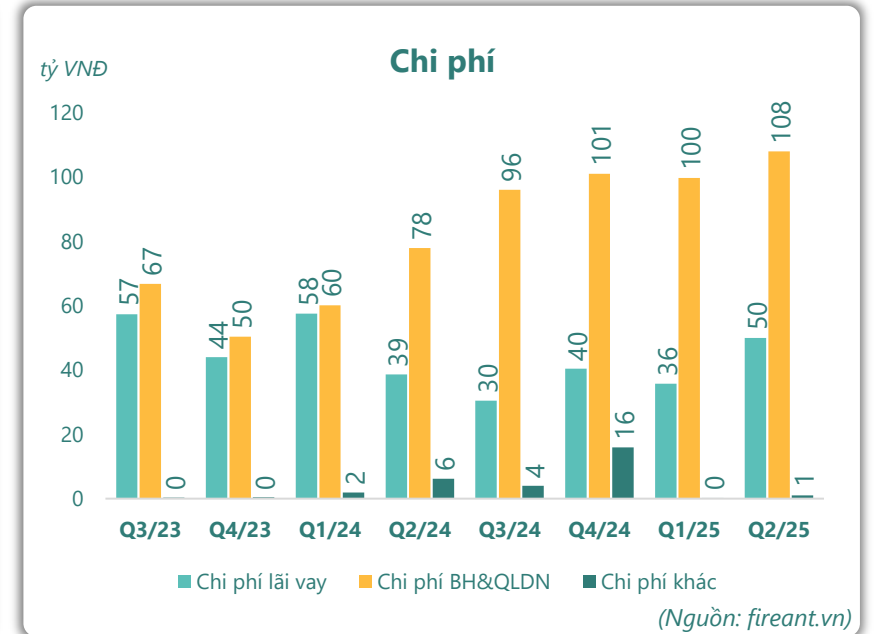
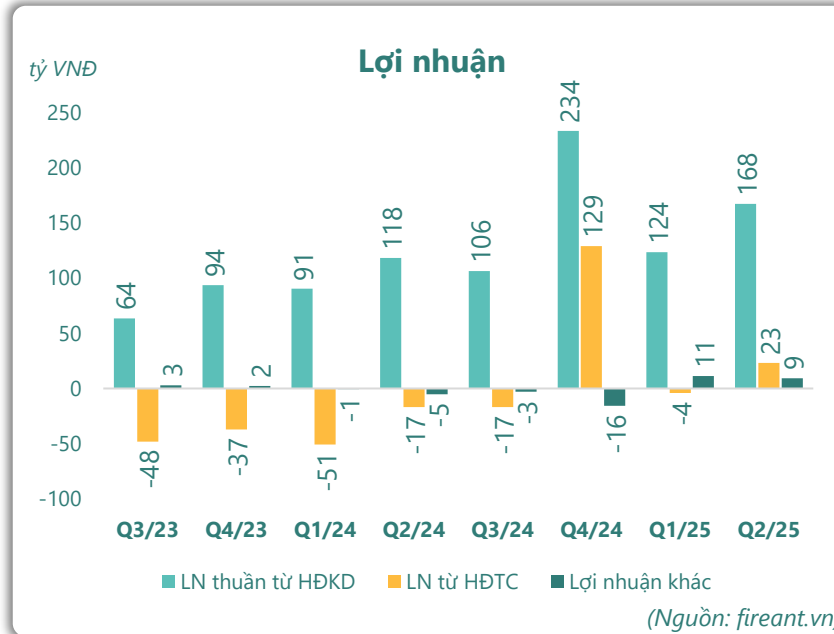
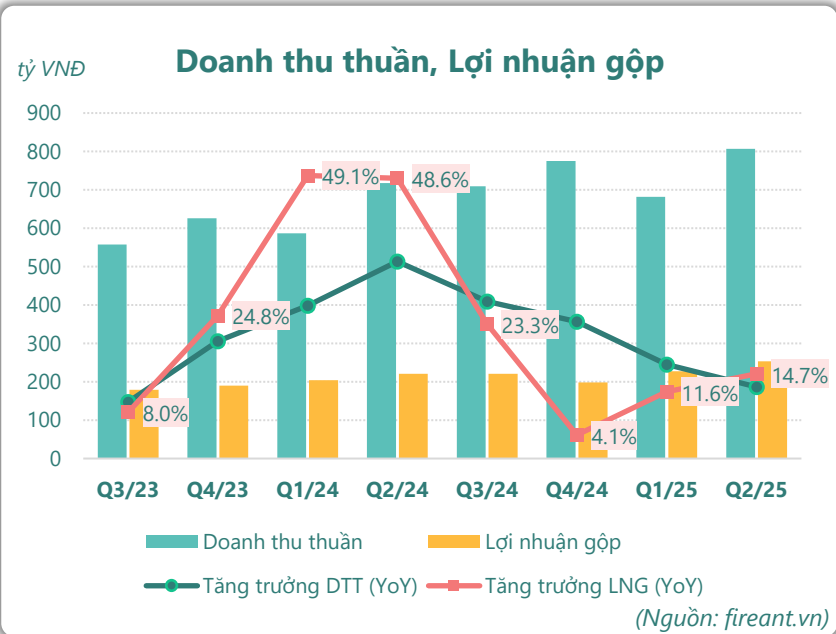
DT thuần 6T 2025
1,489
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 185 14.2%

LN thuần 6T 2025
291
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 82.0 39.4%

LN sau thuế 6T 2025
260
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 98.0 60.9%



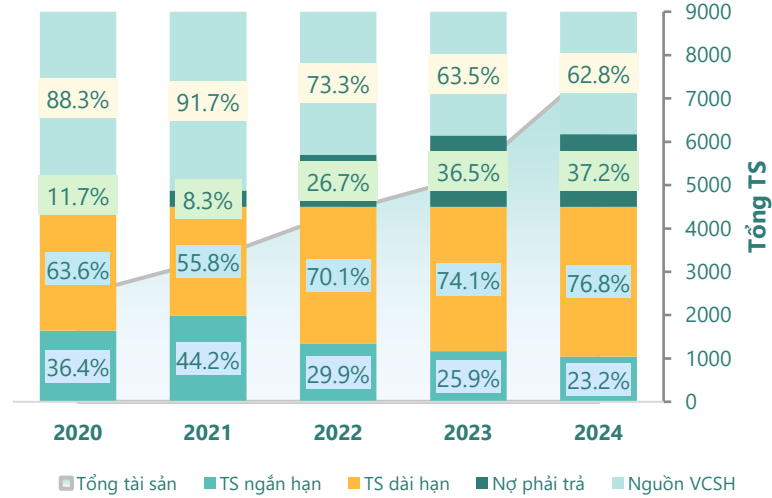
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

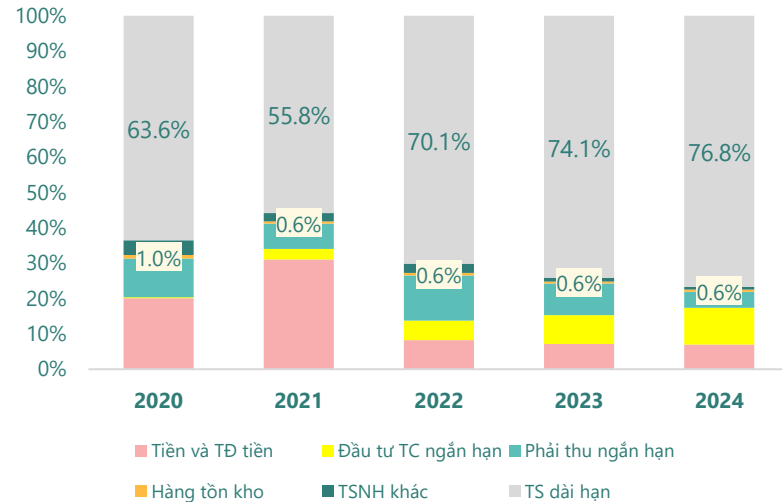
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

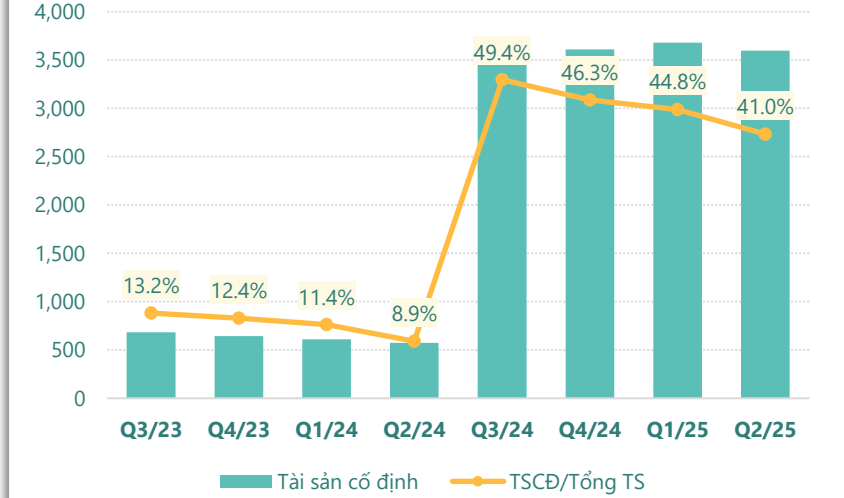
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

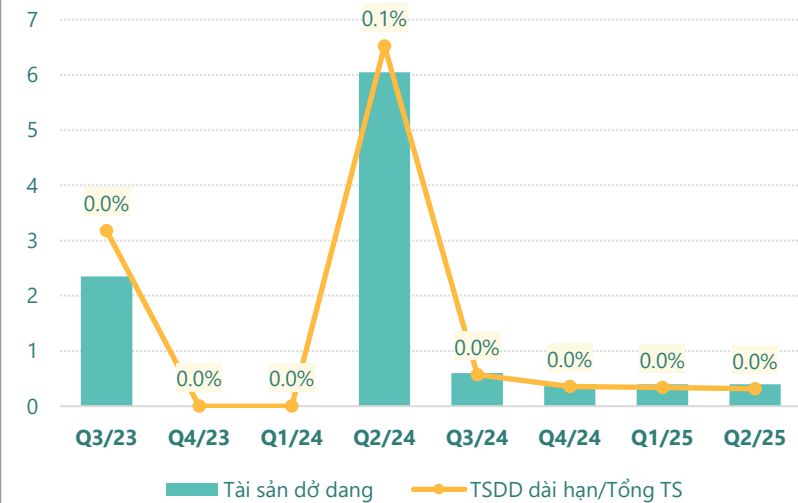
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

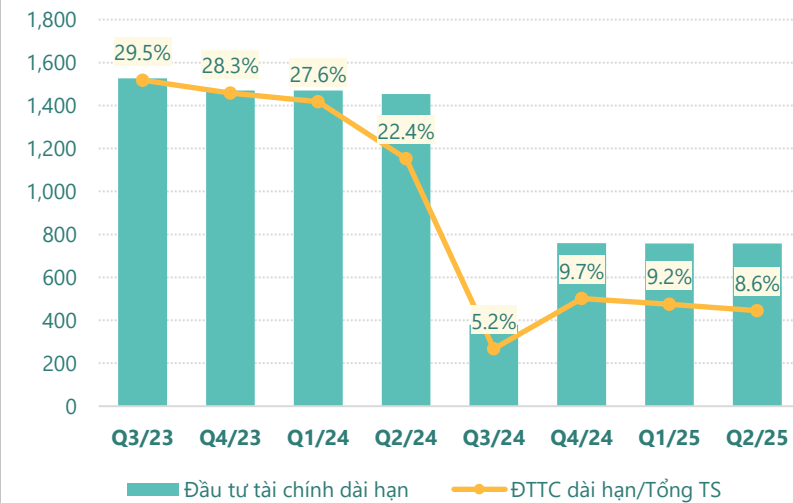
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

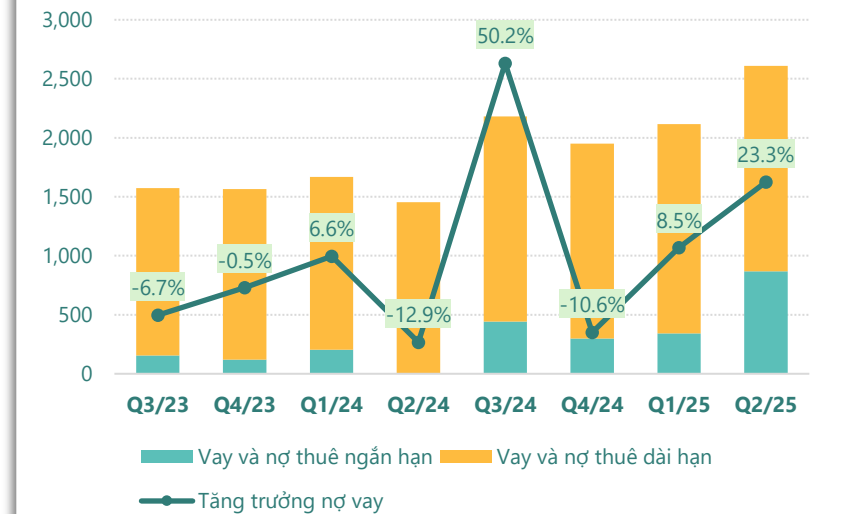
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

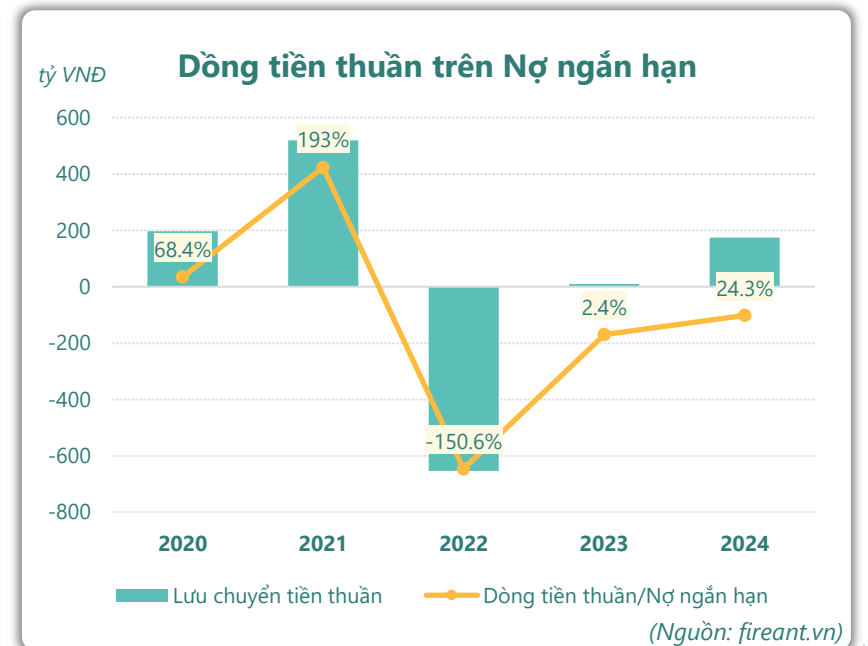
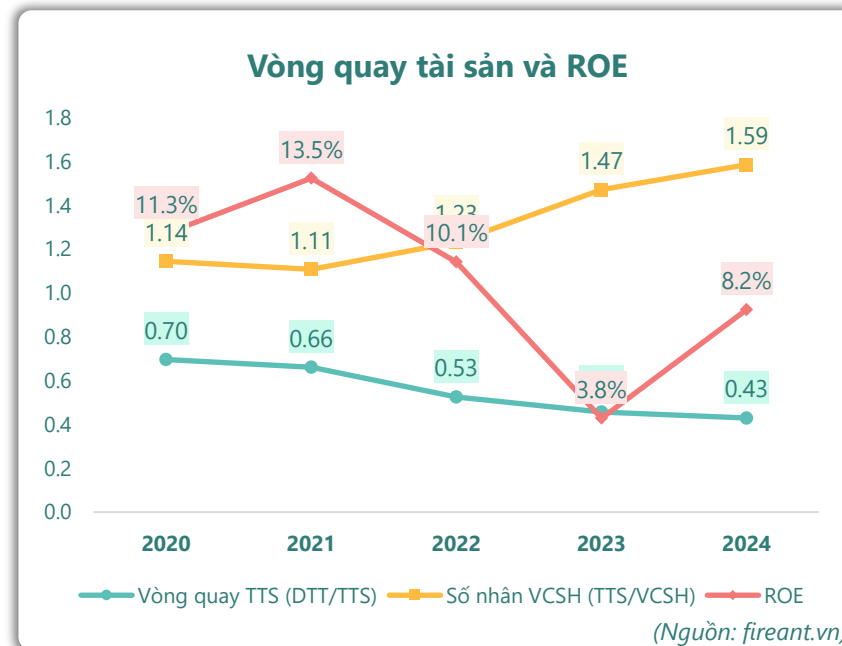
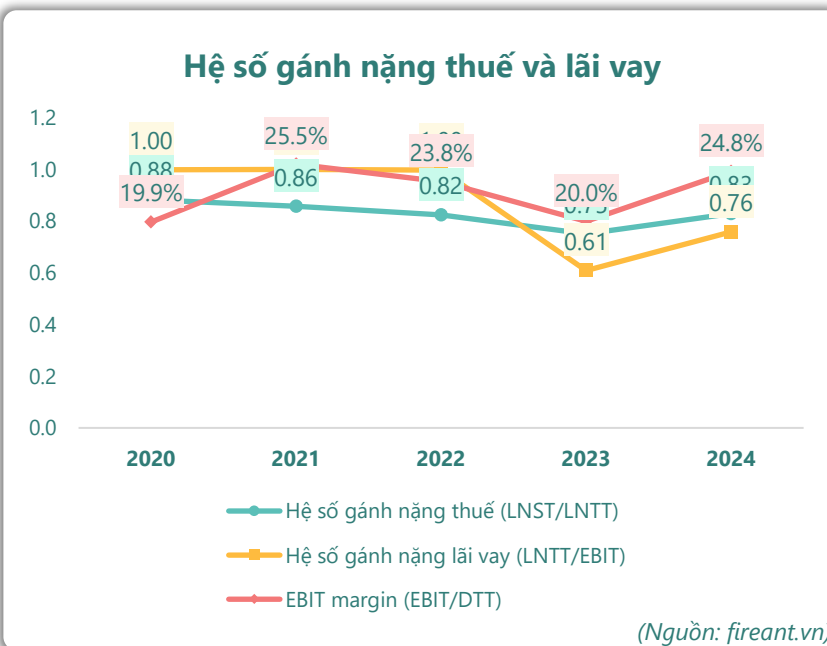
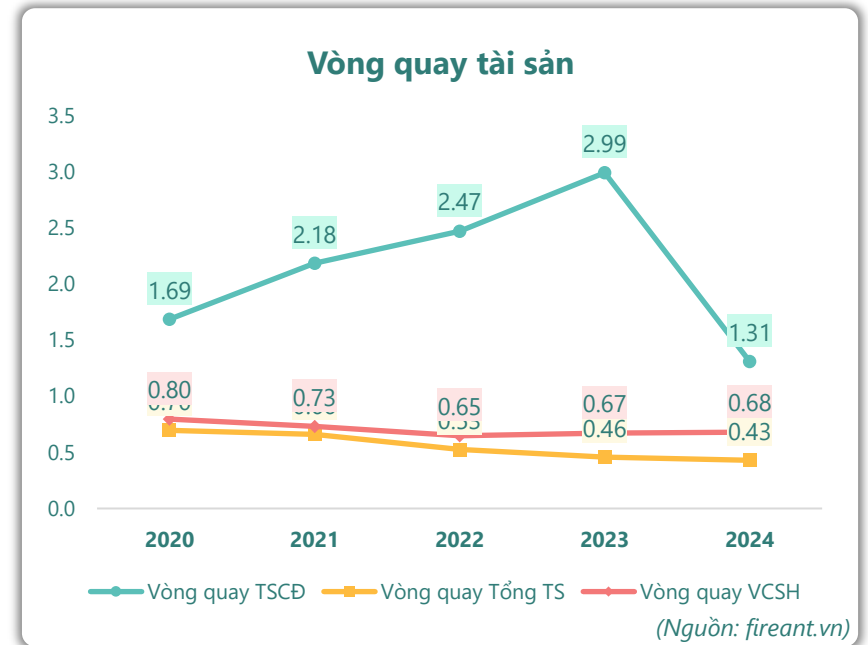
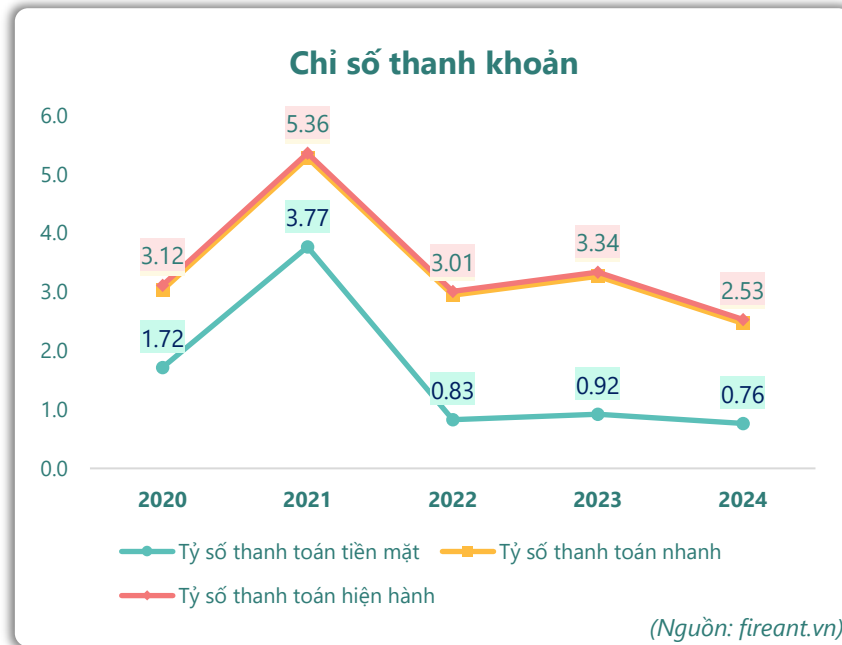
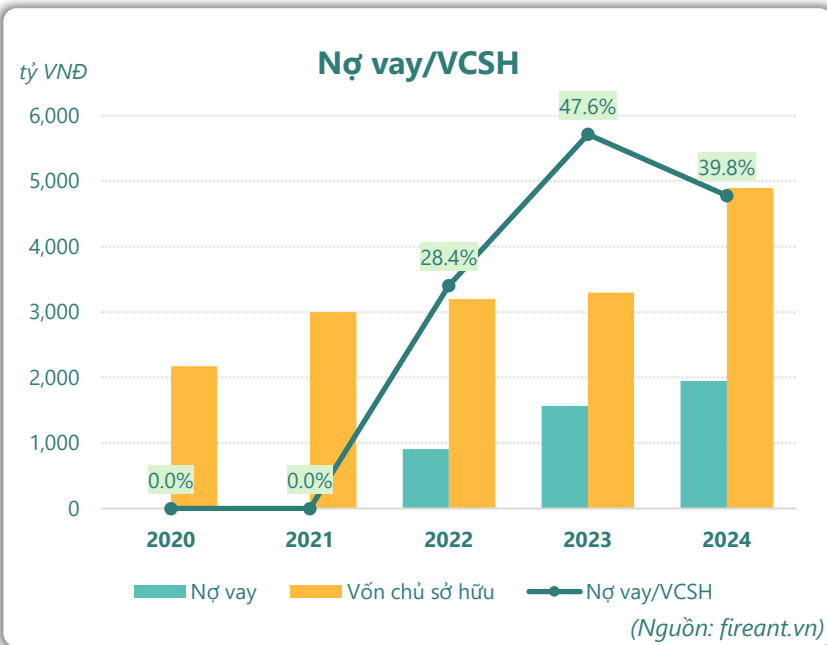
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	807	718	12.4%	1,489	1,304	14.2%
Giá vốn hàng bán	553	496	11.5%	1,008	879	14.7%
Lợi nhuận gộp	254	221	14.8%	481	425	13.2%
Doanh thu HĐTC	81.4	22.8	257%	101	29.3	245%
Chi phí TC	58.1	39.8	46.0%	81.7	97.1	-15.8%
Chi phí lãi vay	50.0	38.6	29.5%	85.7	96.3	-10.9%
LN trong công ty LKLD	-1.27	-7.81	83.8%	-1.27	-10.1	87.4%
Chi phí bán hàng	52.8	36.6	44.3%	96.3	61.4	56.8%
Chi phí QLDN	55.2	41.4	33.4%	112	76.7	45.4%
LN thuần từ HĐKD	168	118	42.0%	291	209	39.4%
Lợi nhuận khác	9.35	-5.33	275%	20.8	-5.98	447%
LN trước thuế	177	113	56.6%	312	203	53.7%
Lợi nhuận sau thuế	149	91.5	62.5%	260	162	60.9%
LNST của CĐ cty mẹ	116	68.0	70.9%	197	113	74.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	135	-24.6	2,525	-2,622	65.0	-510
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-81.7	-872	-2,378	2,038	-20.7	-151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	133	993	-200	527	292	451
Tiền đầu kỳ	371	557	656	601	547	883
Lưu chuyển tiền thuần	187	96.3	-52.2	-56.5	337	-210
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.36	2.67	-2.67	2.50	0.24	3.67
Tiền cuối kỳ	557	656	601	547	883	677

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,775	7,795	12.6%
Tài sản ngắn hạn	2,856	1,812	57.7%
Tiền và tương đương tiền	677	547	23.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,721	806	113%
Phải thu ngắn hạn	348	355	-1.8%
Hàng tồn kho	44.8	47.5	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	64.9	56.2	15.4%
Tài sản dài hạn	5,919	5,984	-1.1%
Phải thu dài hạn	3.65	3.62	0.8%
Tài sản cố định	3,598	3,611	-0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.40	0.40	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	758	759	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	1,133	1,159	-2.2%
Lợi thế thương mại	426	450	-5.2%
Nợ phải trả	3,705	2,899	27.8%
Nợ ngắn hạn	1,444	715	102%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	867	300	189%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.4	108	-9.6%
Nợ dài hạn	2,261	2,184	3.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,741	1,650	5.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,070	4,896	3.6%
Vốn chủ sở hữu	5,070	4,896	3.6%
Vốn điều lệ	3,744	2,868	30.5%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

